

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT - VCT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT - VCT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VCT - VIET CONTRUCTION INVESTMENT AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VCT - VIET., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107512561

3. Ngày thành lập: 20/07/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 44, ngách 5, ngõ 1002 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.35 56 40 35

Fax: 04.35 56 40 35

Email:

Website: xaydungvietjsc.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
2.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
3.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
4.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
6.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
7.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
10.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
11.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
12.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
13.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn giấy nhám, đá cắt, đá mài;	4669
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

18.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
19.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
20.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
21.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
23.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
24.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
25.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
26.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
27.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
28.	Xây dựng công trình công ích	4220
29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Công trình dân dụng; công trình công nghiệp; công trình giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình hạ tầng kỹ thuật;	4290
30.	Phá dỡ	4311
31.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động rà phá bom mìn và các hoạt động tương tự)	4312
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
34.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
36.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
38.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác ;	4641
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649

40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	4659
41.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước;	7110
42.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng, kiểm định xây dựng;	7120
43.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Dịch vụ trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)	7410
44.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN PHI LONG	Thôn Hưng Xá, Xã Yên Phong, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	2,500	162418621	
			Tổng số	25.000	250.000.000	2,500		

2	NGUYỄN HỮU MẠNH	Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	2,500	111504681	
			Tổng số	25.000	250.000.000	2,500		
3	NGUYỄN ANH DƯƠNG	Tổ 7, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	50,000	001073002095	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	50,000		
4	NGUYỄN THỊ TỐ NHƯ	Tổ 7, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	001178002385	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
5	DƯƠNG VĂN KHẢI	Thôn Nội Chùa, Xã Yên Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	2,500	121564844	
			Tổng số	25.000	250.000.000	2,500		
6	ĐỖ TUẤN XÂM	Thôn Đồng Nhân, Xã Hải Bôi, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	2,500	012111875	
			Tổng số	25.000	250.000.000	2,500		
7	NGUYỄN XUÂN NGHỊ	Cụm 2, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	001082011019	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
8	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	Số 98A7 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	001071000336	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *21/02/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001071000336*

Ngày cấp: *09/04/2013*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 98A7 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 98A7 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*